

Số: /VP-KTN
V/v xin ý kiến về việc cấp điều
chỉnh giấy phép môi trường
cho cơ sở Mở rộng sản xuất
Nhà máy giầy Rieker Việt Nam
tại Quảng Ngãi

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2025

Kính gửi:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh.

Ngày 27/02/2025, Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) có Tờ trình số 806/TTr-STNMT trình UBND tỉnh xem xét cấp điều chỉnh giấy phép môi trường cho cơ sở Mở rộng sản xuất Nhà máy giầy Rieker Việt Nam tại Quảng Ngãi; với các nội dung như sau:

Điều chỉnh nội dung cấp phép bụi, khí thải tại mục 1, mục 2 Phần A và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải tại mục 1, mục 2 phần B của Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

Hạng mục	Nội dung được cấp giấy phép	Nội dung xin điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
Phần A:			
1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải			
Nguồn phát sinh	Có mười chín (19) nguồn thải	Có hai mươi hai (22) nguồn thải	
Nguồn số 01 đến nguồn số 19	Giữ nguyên không điều chỉnh		
Nguồn số 20	Chưa đề cập	Bụi phát sinh từ máy mài đế số 05	Việc đầu tư bổ sung thêm 02 máy mài đế giầy (số 05, số 06) sẽ tăng thêm 02 nguồn phát sinh bụi.
Nguồn số 21	Chưa đề cập	Bụi phát sinh từ máy mài đế số 06	02 nguồn thải này có tính chất tương tự như nguồn từ số 02 đến nguồn số 05
Nguồn số 22	Chưa đề cập	Khí thải phát sinh từ lò truyền nhiệt đốt dầu DO số 03	Việc đầu tư bổ sung thêm lò dầu DO số 03 sẽ tăng thêm 01 nguồn phát sinh khí

			thải. Nguồn khí thải này có tính chất tương tự nguồn khí thải số 18 và nguồn số 19
2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải			
2.1. Vị trí xả bụi, khí thải			
Vị trí xả bụi, khí thải	Có ba mươi bốn (34) dòng khí thải	Có mười (10) dòng khí thải	
Dòng khí thải số 01 đến dòng khí thải số 04	Giữ nguyên không điều chỉnh		
Dòng khí thải số 05 đến dòng khí thải số 28; dòng khí thải số 33 và dòng khí thải số 34	Tương ứng với các ống thải/ống khói của các nguồn khí thải số 02 đến nguồn số 11 và nguồn khí thải số 18, nguồn số 19	Bỏ dòng khí thải số 05 đến dòng khí thải số 28; dòng khí thải số 33 và dòng khí thải số 34 <i>(Giảm 26 dòng khí thải)</i>	Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025: Các nguồn phát sinh khí thải từ nguồn số 02 đến 11 (tương ứng dòng khí thải số 05 đến số 28) và nguồn khí thải số 18, số 19 (tương ứng dòng khí thải số 33, số 34): khí thải đạt QCVN 20:2009/BTNMT, QCVN 19:2009/BTNMT được xả trực tiếp ra môi trường (không yêu cầu có hệ thống xử lý) thì không phải là dòng khí thải
Dòng khí thải số 29 đến dòng khí thải số 32	Giữ nguyên không điều chỉnh		

Dòng khí thải số 35	Chưa đề cập	Tương ứng với ống thải cao 9,4 m (so với mặt đất) của hệ thống xử lý bụi từ máy mài đế số 05 (nguồn số 20), tọa độ vị trí xả thải: X = 1681301; Y = 0585758 (Tầng 01 dòng khí thải)	Bụi phát sinh từ 02 máy mài đế số 05, 06 được thu gom và xử lý tại 02 hệ thống xử lý bụi đồng bộ, mỗi hệ thống có công suất 3.500 m ³ /giờ. Do đó sẽ có thêm 02 dòng khí thải từ ống thải của hệ thống xử lý bụi từ máy mài đế.
Dòng khí thải số 36	Chưa đề cập	Tương ứng với ống thải cao 9,4 m (so với mặt đất) của hệ thống xử lý bụi từ máy mài đế số 05 (nguồn số 21), tọa độ vị trí xả thải: X = 1681313; Y = 0585757 (Tầng 01 dòng khí thải)	

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Dòng khí thải số 01 đến dòng khí thải số 04	63.000 m ³ /giờ	63.000 m ³ /giờ	Không điều chỉnh
Dòng khí thải số 05 đến dòng khí thải số 19	183.000 m ³ /giờ	Bỏ lưu lượng xả khí của dòng khí thải số 05 đến dòng khí thải số 19	Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025: Các nguồn phát sinh khí thải từ nguồn số 02 đến nguồn số 11 được xả trực tiếp ra môi trường (không yêu cầu có hệ thống xử lý), không phát sinh dòng khí thải
Dòng khí thải số 20	6.000 m ³ /giờ	Bỏ lưu lượng xả khí của dòng khí thải số 20	
Dòng khí thải số 21	6.000 m ³ /giờ	Bỏ lưu lượng xả khí của dòng khí thải số 21	
Dòng khí thải số 22	3.500 m ³ /giờ	Bỏ lưu lượng xả khí của dòng khí thải số 22	
Dòng khí thải số 23	3.000 m ³ /giờ	Bỏ lưu lượng xả khí của dòng khí thải số 23	
Dòng khí thải số 24	3.000 m ³ /giờ	Bỏ lưu lượng xả khí của dòng khí	

		thải số 24	
Dòng khí thải số 25	3.000 m ³ /giờ	Bỏ lưu lượng xả khí của dòng khí thải số 25	
Dòng khí thải số 26	3.000 m ³ /giờ	Bỏ lưu lượng xả khí của dòng khí thải số 26	
Dòng khí thải số 27	3.000 m ³ /giờ	Bỏ lưu lượng xả khí của dòng khí thải số 27	
Dòng khí thải số 28	3.000 m ³ /giờ	Bỏ lưu lượng xả khí của dòng khí thải số 28	
Dòng khí thải số 29	3.500 m ³ /giờ	3.500 m ³ /giờ	Không điều chỉnh
Dòng khí thải số 30	3.500 m ³ /giờ	3.500 m ³ /giờ	Không điều chỉnh
Dòng khí thải số 31	3.500 m ³ /giờ	3.500 m ³ /giờ	Không điều chỉnh
Dòng khí thải số 32	3.500 m ³ /giờ	3.500 m ³ /giờ	Không điều chỉnh
Dòng khí thải số 33	667,5 m ³ /giờ	Bỏ lưu lượng xả khí của dòng khí thải số 33	Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025: Nguồn khí thải số 18, số 19 được xả trực tiếp ra môi trường (không yêu cầu có hệ thống xử lý) thì không phát sinh dòng khí thải
Dòng khí thải số 34	864 m ³ /giờ	Bỏ lưu lượng xả khí của dòng khí thải số 34	
Dòng khí thải số 35	Chưa đề cập	3.500 m ³ /giờ	Bụi phát sinh từ 02 máy mài để số 05, 06 được thu gom và xử lý tại 02 hệ thống xử lý bụi đồng bộ, mỗi hệ thống có công suất 3.500 m ³ /giờ
Dòng khí thải số 36	Chưa đề cập	3.500 m ³ /giờ	
Tổng lưu lượng thải	295.031,5 m ³ /giờ	84.000 m ³ /giờ	Điều chỉnh giảm lưu lượng xả khí thải lớn nhất
2.2.1. Phương thức xả khí thải			
Dòng khí thải số 01 đến dòng khí thải số 04	Giữ nguyên không điều chỉnh		
Dòng khí thải số 05 đến số 28 và số 33, số 34	Khí thải được hút và xả trực tiếp ra môi trường	Bỏ phương thức xả khí thải của dòng khí thải số	Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số

	(không có hệ thống xử lý) qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động	05 đến số 28 và số 33, số 34	05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025: Không phát sinh dòng khí thải
Dòng khí thải từ số 29 đến số 32	Bụi sau xử lý được xả ra môi trường (không có hệ thống xử lý) qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động	Bụi sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động	Chuẩn xác lại thông tin theo đúng thực tế của Nhà máy đã lắp đặt và đang hoạt động
Dòng khí thải số 35, số 36	Chưa đề cập	Bụi sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động	Bụi phát sinh từ 02 máy mài để số 05, 06 được thu gom và xử lý tại 02 hệ thống xử lý bụi đồng bộ, mỗi hệ thống có công suất 3.500 m ³ /giờ. Do đó sẽ có thêm 02 dòng khí thải từ ống thải của hệ thống xử lý bụi từ máy mài để
2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường			
	Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ, cột B, Kp=0,8; Kv=1,0; QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ)	Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ, cột B, Kp=0,9; Kv=1,0)	Điều chỉnh hệ số Kp tương ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở, tổng lưu lượng khí thải 84.000 m ³ /giờ (20.000 m ³ /giờ < P < 100.000 m ³ /giờ, hệ số Kp = 0,9). Không còn các dòng khí thải phát sinh chất ô nhiễm hữu cơ (không còn dòng khí thải số 05-22) nên không áp dụng QCVN 20:2009/BTNMT.
Dòng khí thải số 01	Bụi tổng: 160	Bụi tổng: 180	QCVN

đến dòng khí thải số 04	mg/Nm ³ Tần suất quan trắc định kỳ: 03 tháng/lần	mg/Nm ³ Tần suất quan trắc định kỳ: 06 tháng/lần	19:2009/BTNMT (cột B, Kp=0,9; Kv=1,0) Tần suất quan trắc: Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
Dòng khí thải số 05 đến dòng khí thải số 19	Toluen: 750 mg/Nm ³ Tần suất quan trắc định kỳ: 06 tháng/lần	Bỏ nội dung giám sát chất lượng khí thải trước khi thải ra môi trường của dòng khí thải số 05 đến dòng khí thải số 26	Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025: Không phát sinh dòng khí thải
Dòng khí thải số 20 đến dòng khí thải số 22	Tetraclôetylen: 670 mg/Nm ³ Tần suất quan trắc định kỳ: 06 tháng/lần		
Dòng khí thải số 23 đến dòng khí thải số 26	-		
Dòng khí thải số 29 đến dòng khí thải số 32	Bụi tổng: 160 mg/Nm ³ Tần suất quan trắc định kỳ: 03 tháng/lần	Bụi tổng: 180 mg/Nm ³ Tần suất quan trắc định kỳ: 06 tháng/lần	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp=0,9; Kv=1,0) Tần suất quan trắc: theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
Dòng khí thải số 35, số 36	Chưa đề cập	Bụi tổng: 180 mg/Nm ³ Tần suất quan trắc định kỳ: 06 tháng/lần Quan trắc tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng	- Bổ sung 02 hệ thống xử lý bụi từ máy mài để số 05, số 06 - QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp=0,9; Kv=1,0) - Tần suất quan trắc: Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
Phần B:			

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải			
Nguồn số 01 đến nguồn số 19	Giữ nguyên không điều chỉnh		
Nguồn số 20 và nguồn số 21	Chưa đề cập	Bụi phát sinh từ công đoạn mài để giày được xử lý tại hệ thống xử lý bụi, sau đó theo ống thải có đường kính 400 mm và cao 9,4 m (so với mặt đất) thoát ra môi trường	Bổ sung thêm 02 hệ thống xử lý bụi từ máy 02 mài đế số 05, số 06
Nguồn số 22	Chưa đề cập	Khí thải phát sinh từ lò dầu truyền nhiệt được thoát qua ống thải có đường kính 360 mm (nguồn số 22), cao 9,5 m ra ngoài môi trường	Bổ sung thêm ống thải của lò dầu truyền nhiệt số 03
1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải			
Công trình, thiết bị xử lý bụi khí thải từ nguồn số 01 đến nguồn số 19	Giữ nguyên không điều chỉnh		
Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ nguồn số 20, số 21	Chưa đề cập	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh từ công đoạn mài để giày → Thiết bị xử lý bụi → Quạt hút → Khí thoát ra môi trường. - Công suất: 3.500 m³/giờ/thiết bị. - Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không 	02 hệ thống xử lý bụi được lắp đặt đồng bộ cùng với 02 máy mài đế số 05, 06; Công nghệ và thông số kỹ thuật của máy mài đế số 05, 06 giống như 04 máy mài từ số 01 đến số 04 đã lắp đặt và đang hoạt động ổn định tại Nhà máy

Hệ thống xử lý khí thải từ nguồn số 22	Chưa đề cập	- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh từ lò dầu truyền nhiệt → Ống thoát khí thải. - Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không	Bổ sung thêm ống thải của lò dầu truyền nhiệt số 03
--	-------------	---	---

Nội dung Công ty Giày Rieker Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường cho cơ sở Mở rộng sản xuất Nhà máy giày Rieker Việt Nam tại Quảng Ngãi nêu trên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật bảo vệ môi trường và khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Nội dung cấp điều chỉnh giấy phép môi trường cho cơ sở Mở rộng sản xuất Nhà máy giày Rieker Việt Nam tại Quảng Ngãi đảm bảo theo đúng quy định và đủ điều kiện để trình UBND tỉnh cấp điều chỉnh giấy phép môi trường cho Cơ sở. Thực hiện Quy chế làm việc của UBND tỉnh và chỉ đạo của Phó Chủ tịch Trần Phước Hiền UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh trân trọng gửi đến Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh và các Ủy viên UBND tỉnh Tờ trình và dự thảo Quyết định về nội dung nêu trên để xin ý kiến Thành viên UBND tỉnh.

Kính đề nghị Thành viên UBND tỉnh xem xét, có ý kiến theo đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại Tờ trình nêu trên (có Mẫu Phiếu ghi ý kiến kèm theo) và **gửi về Văn phòng UBND tỉnh chậm nhất ngày 07/3/2025** để tổng hợp, tham mưu lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPUB: PCVP, TTHC;
- Lưu: VT, KTNak167.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Phước Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU GHI Ý KIẾN
THÀNH VIÊN ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

1. Tóm tắt nội dung lấy ý kiến biểu quyết

Về việc cấp điều chỉnh giấy phép môi trường cho cơ sở Mở rộng sản xuất Nhà máy giày Rieker Việt Nam tại Quảng Ngãi theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại Tờ trình số 806/TTr-STNMT ngày 27/02/2025.

2. Ý kiến tham gia về nội dung của văn bản lấy ý kiến (*ghi trực tiếp vào văn bản này, nếu tham gia nhiều thì gửi kèm theo tờ rơi về nội dung ý kiến*)

.....
.....
.....

3. Ý kiến biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh (*đánh dấu X vào ô chọn*)

- a) Đồng ý
- b) Không đồng ý

Lý do:

.....

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2025

THÀNH VIÊN UBND TỈNH
(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)